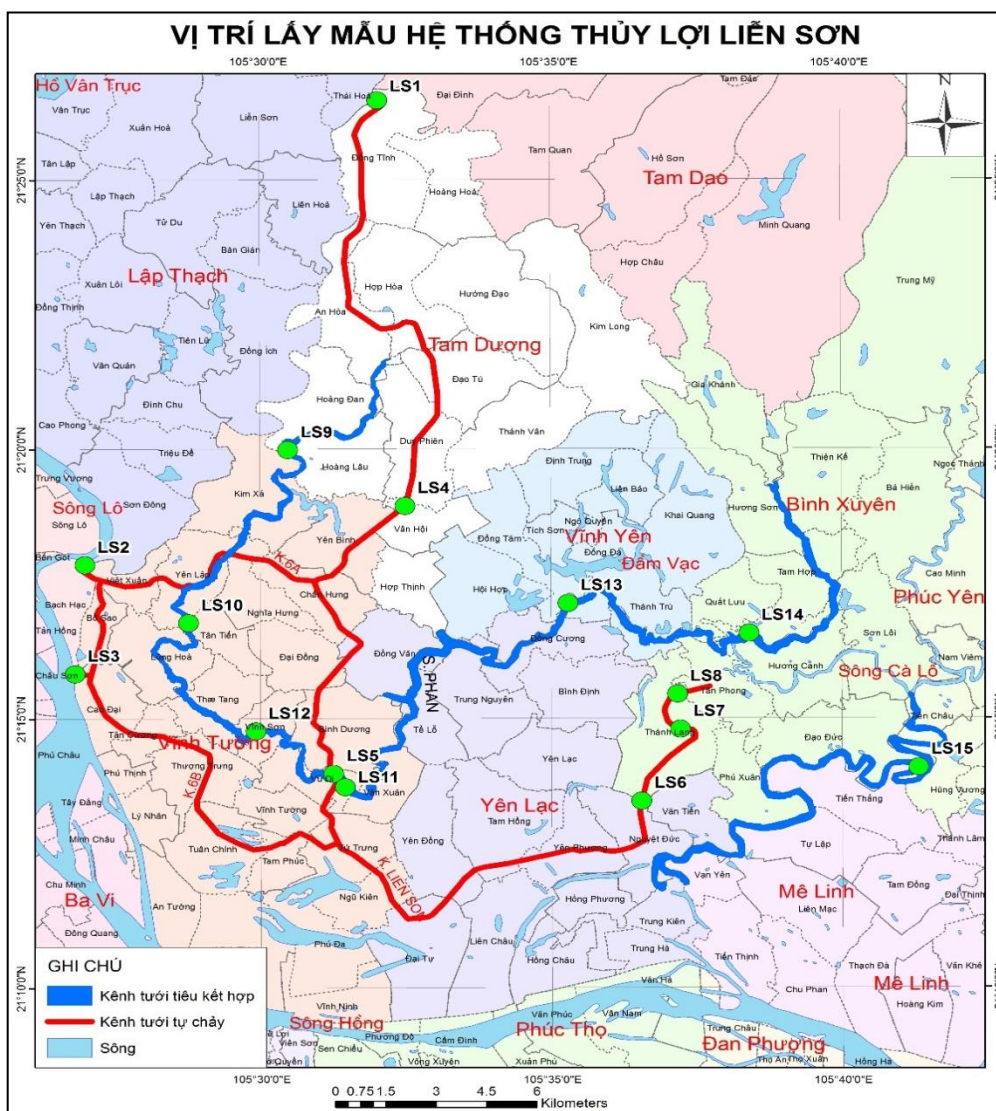




BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Dự án: Giám sát, dự báo chất lượng trong hệ thống công trình thủy lợi
Liên Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2019**

BẢN TIN CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG THỦY LỢI LIÊN SƠN TUẦN 2 THÁNG 2 NĂM 2019 (08/2-15/2/2019)



Hệ thống thủy lợi Liên Sơn

Hà nội: Ngày 8 tháng 2 năm 2019

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SDT: 0913.303.562



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Giám sát, dự báo chất lượng trong hệ thống công trình thủy lợi Liên Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2019

BẢN TIN CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG THỦY LỢI LIÊN SƠN TUẦN 2 THÁNG 2 NĂM 2019 (08/2-14/2/2019)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

TS. Lê Xuân Quang

Thông tin chung:

Dự án giám sát, dự báo chất lượng nước phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp hệ thống công trình thủy lợi Liên Sơn được Tổng cục Thủy lợi - Bộ NN&PTNN giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện hàng năm. Thời gian thực hiện từ 17/1/2019 đến 17/5/2019, trong đó tháng 1, có 1 kỳ lấy mẫu; tháng 2 có 2 kỳ lấy mẫu; tháng 3 có 2 kỳ lấy mẫu; tháng 4 có 2 kỳ lấy mẫu và dự báo cho 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên trang web www.httl.com.vn; và gửi các địa phương vùng dự án.

Hà nội: Ngày 8 tháng 2 năm 2019

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

1. Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Liễn Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2019.

2. Ngày quan trắc: 13/2/2019

3. Ngày cung cấp thông tin:

4. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

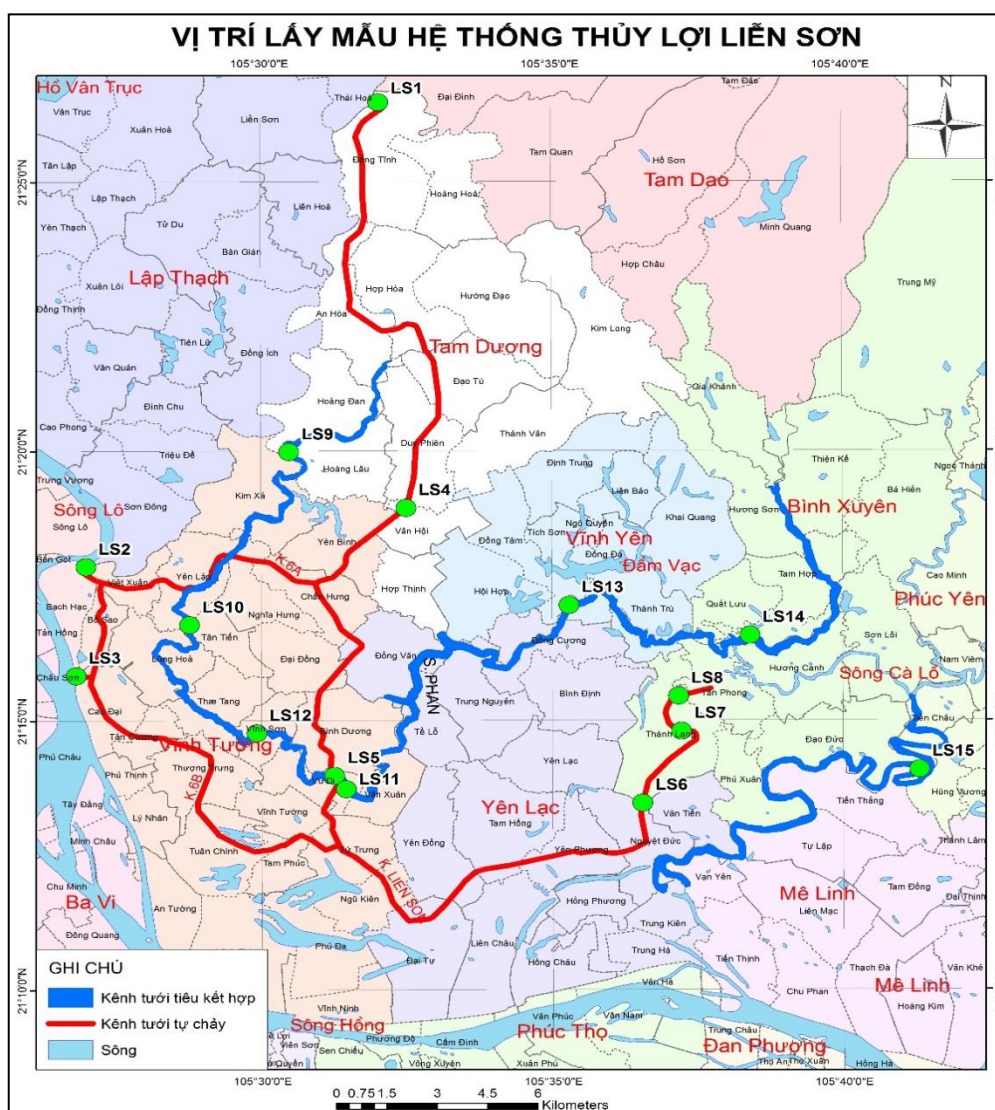
5. Người cung cấp thông tin:

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Lê Xuân Quang

Điện thoại: 0913303562; Email: lequangiwe.vawr@gmail.com

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Liễn Sơn, Chi cục Thủy lợi Vĩnh Phúc.

7. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc:



Hình 1: Bản đồ vị trí các trạm quan trắc, dự báo chất lượng nước

8. Vị trí lấy mẫu:

Bảng 1: Vị trí, tọa độ điểm lấy mẫu

STT	Ký H	Tên điểm	Tọa độ	Nguồn nước	Vị trí
Kênh chính					
1	LS1	Đập Liễn Sơn	21°26'28.2"N 105°32'02.3"E	Lấy nước S Phó Đáy	Trên sông Phó đáy, xã Đồng Tĩnh - huyện Tam Dương
2	LS2	TB Bạch Hạc	21°19'58.9"N 105°30'28.8"E	Lấy nước sông Lô	Bờ sông Lô, xã Việt Xuân - huyện Vĩnh Tường
3	LS3	TB Đại Định	21°15'50.0"N 105°26'48.6"E	Lấy nước sông Hồng	Bờ sông Hồng, xã Cao Đại - huyện Vĩnh Tường
4	LS4	Cống Vân Tập	21°18'56.5"N 105°32'29.6"E	Kênh chính Liễn Sơn	Thôn Vân Tập - Vân Hội - Tam Dương
5	LS5	Điều tiết Vũ Di	21°13'55.88"N 105°31'16.18"E	Kênh chính Liễn Sơn	Thôn Xuân Lai - xã Vũ Di - huyện Vĩnh Tường
6	LS6	Cống Nguyệt Đức	21°13'27.6"N 105°36'33.0"E	Kênh chính Liễn Sơn	Cống Điều tiết 3 Cửa Nguyệt Đức (cầu Trắng), đầu TT Thanh Lãng - huyện Yên Lạc
7	LS7	Cầu Cơ Khí	21°14'47.7"N 105°37'13.3"E	Kênh chính Liễn Sơn	Sau làng nghề gỗ, xã Thanh Lãng - huyện Bình Xuyên
8	LS8	Cầu Đất	21°15'26.6"N 105°37'10.3"E	Cuối kênh Liễn Sơn	Cuối tuyến, xã Thanh Lãng giáp với xã Tân Phong - huyện Bình Xuyên
Kênh tiêu					
1	LS9	Cầu vàng	21°19'58.9"N 105°30'28.8"E	Trên sông Phan	Km19 + 748 ĐT305 xã Hoàng Lâu - huyện Tam Dương
2	LS10	Cầu Thượng	21°16'46.5"N	Trên sông Phan	Giao với QL2, xã Yên Lạc - huyện Vĩnh Tường

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

		Lập	105°28'46.0"E		
3	LS11	Cầu Xuân Lai	21°13'43.6"N 105°31'28.6"E	Trên sông Phan	Gần QL2C thuộc địa phận xã Vũ Di - Vĩnh Tường
4	LS12	Đập Vĩnh Sơn	21°14'42.3"N 105°30'09.0"E	Trên sông Phan	xã Vĩnh Sơn - huyện Vĩnh Tường
5	LS13	Đập Lạc Ý	21°17'07.9"N 105°35'17.8"E	Trên sông Phan	Thôn Lạc Ý, xã Đồng Tâm - Thành phố Vĩnh Yên
6	LS14	Cầu Lò Càng	21°16'34.2"N 105°38'24.4"E	Sông Tranh-sông Phan	Trên QL2A, đầu thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên
7	LS15	Cầu Tiền Châu	21°14'04.7"N 105°41'18.9"E	Sông Cà Lò cụt	Xã Tiền Châu, Thị xã Phúc Yên

9. Thông tin lúc lấy mẫu:

Bảng 2: Kết quả quan trắc hiện trường ngày 13/2/2019

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường					Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	Độ đục (NTU)	pH	DO (mg/l)	
1	LS1	Đập Liên Sơn	Kiểm tra nước trước khi chảy vào hệ thống	Có dòng chảy (nước thấp hơn đỉnh đập khoảng 35cm), nước trong, không mùi	24,5	4,00	7,5	6,88	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
2	LS2	TB Bạch Hạc	Kiểm tra nước bơm vào hệ thống từ sông Lô	Sông Lô nước chảy, đang bơm máy hút sâu, không có rác thải, màu nâu nhạt, không mùi	24,7	13,58	7,0	7,52	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
3	LS3	TB Đại Định	Kiểm tra nước bơm vào hệ thống	Sông Hồng nước chảy, đang bơm máy hút sâu, không có rác thải, màu nâu nhạt, không mùi	24,0	41,26	6,9	8,16	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
4	LS4	Cống Vân Tập	Kiểm tra nước trên kênh chính	Cống mở, mực nước thấp, có dòng chảy, nước nâu đen, mùi hôi	25,6	13,91	7,0	0,80	DO không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

									theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
5	LS5	Điều tiết Vũ Di	Trên kênh chính	Cổng mở, không có rác, có dòng chảy, màu xanh nhạt, không mùi	24,7	27,03	7,0	6,40	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
6	LS6	Cổng Nguyệt Đức	Kiểm tra nước trên kênh chính	Cổng đóng, thượng lưu đang được cấp nước bằng động lực từ sông, không rác thải, màu nâu nhạt, không mùi	24,9	9,88	6,9	5,76	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
7	LS7	Cầu Cơ Khí	Kiểm tra nước trên kênh chính	Có dòng chảy yếu, nhiều rác thải, bèo, màu nâu đen, mùi hôi	25,0	25,41	7,0	0,96	DO không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
8	LS8	Cầu Đất	Kiểm tra nước trên kênh chính	Không có dòng chảy, nước thấp, nhiều rác, bèo, màu nâu đen, mùi hôi	24,8	20,39	6,8	0,32	DO không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
9	LS9	Cầu Vàng	Kiểm tra nước trên sông	Có dòng chảy trung bình, ít rác,	25,5	39,79	6,9	1,28	DO không đạt tiêu chuẩn

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

			Phan	màu nâu nhạt, mùi tanh					nước dùng cho tưới tiêu theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
10	LS10	Cầu Thượng Lập	Kiểm tra nước trên sông Phan	Có dòng chảy nhỏ, ít rác thải, màu nâu nhạt, không mùi	24,0	38,75	7,0	3,52	DO không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
11	LS11	Cầu Xuân Lai	Kiểm tra nước trên sông Phan	Có dòng chảy nhỏ, ít rác, bèo, màu nâu nhạt, không mùi	24,4	41,25	7,2	4,80	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
12	LS12	Đập Vĩnh Sơn	Kiểm tra nước trên sông Phan	Có dòng chảy nhỏ, ít rác, bèo, màu nâu nhạt, không mùi	25,6	75,00	7,1	4,16	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN
13	LS13	Đập Lạc Ý	Kiểm tra nước trên sông Phan	2 cửa cống mở, dòng chảy mạnh, ít rác, bèo, màu nâu nhạt, không mùi	24,7	27,01	7,3	2,08	DO không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
14	LS14	Cầu Lò Càng	Kiểm tra nước trên sông Phan	Không có dòng chảy, ít rác, bèo, màu nâu nhạt, không mùi	25,3	29,13	7,1	4,80	Nước đạt tiêu chuẩn phục vụ SXNN

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

15	S15	Cầu Tiên Châu	Kiểm tra nước trên sông Phân	Nước tĩnh, không dòng chảy, Nhiều bèo, màu xanh đen, mùi hôi	25,2	22,88	7,0	1,76	DO không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu theo cột B1, cá và các vi sinh vật thủy sinh không sống được. Khuyến cáo cho người dân tạm thời không nên lấy nước, chờ lấy nước đợt 3
QCVN 08-MT:BTNMT cột B₁					-	-	5,5-9	≥4	

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Bảng 3: Kết quả phân tích chất lượng nước và tính chỉ số chất lượng nước WQI (đợt 2 ngày 13/2/2019)

TT	Vị trí lấy mẫu	Nhiệt độ	pH	DO	Độ đục	TSS	COD	BOD ₅	N-NH ₄ ⁺	P-PO ₄ ³⁻	N-NO ₂ ⁻	N-NO ₃ ⁻	Coliforms	WQI
		°C	-	mg/l	NTU	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml	
1	Đập Liễn Sơn (LS1)	24,5	7,5	6,88	4,00	5,74	9,6	4,7	1,01	0,12	0,02	0,64	780	93
2	TB Bạch Hạc (LS2)	24,7	7,0	7,52	13,58	19,93	10,8	4,9	0,22	0,02	<0,01	0,44	2100	95
3	TB Đại Định (LS3)	24,0	6,9	8,16	41,26	52,46	24,2	9,7	0,17	0,08	<0,01	1,16	3100	71
4	Cống Vân Tập (LS4)	25,6	7,0	1,80	13,91	14,28	67,2	26,8	0,45	0,04	0,02	0,20	9000	52
5	Điều tiết Vũ Di (LS5)	24,7	7,0	6,40	27,03	26,07	16,8	7,4	0,22	0,04	0,01	0,96	1100	83
6	Cống Nguyệt Đức (LS6)	24,9	6,9	5,76	9,88	10,71	38,4	18,2	2,97	0,24	0,01	0,56	790	76
7	Cầu Cơ Khí (LS7)	25,0	7,0	0,96	25,41	33,04	57,6	22,3	3,98	0,96	0,06	0,40	54000	10
8	Cầu Đất (LS8)	24,8	6,8	0,32	20,39	22,13	52,8	19,8	2,13	0,16	<0,01	0,24	23000	14
9	Cầu Vàng (LS9)	25,5	6,9	1,28	39,79	58,39	43,2	20,2	1,90	0,14	0,02	0,70	29000	12
10	Cầu Thượng Lập (LS10)	24,0	7,0	3,52	38,75	57,14	24,0	9,4	2,69	0,40	0,02	0,40	2300	59
11	Cống Xuân Lai (LS11)	24,4	7,2	4,80	41,25	58,43	24,4	9,6	2,02	0,04	0,04	0,64	1100	64
12	Đập Vĩnh Sơn (LS12)	25,6	7,1	4,16	75,00	67,14	28,8	10,8	2,35	0,10	0,08	0,02	810	56
13	Đập Lạc Ý (LS13)	24,7	7,3	2,08	27,01	35,89	14,4	6,2	2,74	0,12	0,06	0,04	9000	50
14	Cầu Lò Càng (LS14)	25,3	7,1	4,80	29,13	21,61	43,2	20,2	1,23	0,08	0,02	0,54	6400	61
15	Cầu Tiên Châu (LS15)	25,2	7,0	1,76	22,88	36,79	19,4	8,8	2,30	0,10	0,04	<0,01	8100	55
QCVN 08-MT:2015/BTNMT B1		-	5-9	≥ 4	-	50	30	15	0,9	0,3	0,05	10	7500	

Thông tin chi tiết xin liên hệ chủ nhiệm dự án: TS. Lê Xuân Quang, SĐT: 0913.303.562

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ WQI

Bảng 4: Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI (đợt 1 ngày 14/2/2019)

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	WQI	Đánh giá	Màu thể hiện	Xếp loại
1	LS1	Đập Liên Sơn	93	A		
2	LS2	TB Bạch Hạc	95	A		
3	LS3	TB Đại Định	71	C		
4	LS4	Công Vân Tập	52	C		
5	LS5	Điều tiết Vũ Di	83	B		
6	LS6	Công Nguyệt Đức	76	B		
7	LS7	Cầu Cơ Khí	10	E		
8	LS8	Cầu Đất	14	E		
9	LS9	Cầu Vàng	12	E		
10	LS10	Cầu Thượng Lập	59	C		
11	LS11	Cống Xuân Lai	64	C		
12	SL12	Đập Vĩnh Sơn	56	C		
13	LS13	Đập Lạc Ý	50	D		
14	LS14	Cầu Lò Càng	61	C		
15	LS15	Cầu Tiên Châu	55	C		

Ghi chú: Đánh giá theo số tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước ban hành theo quyết định số 879/QĐ-TCMT, ngày 01/01/2011 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

- A- Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- B- Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;
- C- Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;
- D- Sử dụng cho mục đích giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;
- E- Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Bảng 5: Số chỉ tiêu vượt QCVN

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Số chỉ tiêu vượt QCVN	Khuyến cáo
1	LS1	Đập Liễn Sơn	N-NH ₄ ⁺	
2	LS2	TB Bạch Hạc	-	
3	LS3	TB Đại Định	TSS	
4	LS4	Cống Vân Tập	DO, COD, BOD5	
5	LS5	Điều tiết Vũ Di	-	
6	LS6	Cống Nguyệt Đức	TSS, COD, BOD5, N-NH ₄ ⁺	
7	LS7	Cầu Cơ Khí	DO, COD, BOD5, N-NH ₄ ⁺ , Coliforms	
8	LS8	Cầu Đất	COD, BOD5, N-NH ₄ ⁺ , Coliforms	
9	LS9	Cầu Vàng	COD, BOD5, N-NH ₄ ⁺ , Coliforms, TSS	
10	LS10	Cầu Thượng Lập	DO, N-NH ₄ ⁺ , TSS	
11	LS11	Cống Xuân Lai	COD, TSS, N-NH ₄ ⁺	
12	SL12	Đập Vĩnh Sơn	TSS, N-NH ₄ ⁺	
13	LS13	Đập Lạc Ý	DO, N-NH ₄ ⁺ , Coliforms	
14	LS14	Cầu Lò Càng	COD, N-NH ₄ ⁺	
15	LS15	Cầu Tiền Châu	DO, Coliforms	

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 8/2 ĐẾN 15/2/2019

4.1 Thông tin chung

Vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước được đặt ở những điểm tại đầu mối và các kênh trục quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực lấy nước. Dự án quan trắc 15 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1.

- Theo Trung dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương:

Trong tháng 2, mực nước trên các sông thượng lưu hệ thống sông Hồng – Thái Bình sẽ xuống chậm.

Mực nước hạ lưu sông Hồng sẽ dao động ở mức 1,8m đến 2,2m trong đợt đồ ải vụ Xuân đợt 2 và 3, sau biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm và

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong HT CCTL Liễn Sơn phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2019

chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dòng chảy trên sông Đà đến hồ Hòa Bình lớn hơn mức TBNN là 36%..

Lưu lượng trung bình: Trên sông Thao tại trạm Yên Bái là 210 m³/s thấp hơn 7%; trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang là 160 m³/s thấp hơn 56% so với TBNN.

- Vụ Đông Xuân 2018÷2019, diện tích canh tác do hệ thống thủy lợi Liễn Sơn phục trách trong giai đoạn gieo cấy. Tính đến thời điểm hiện tại, diện tích đã lấy được nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là 23870 ha đạt 70,5% so với kế hoạch. Thời tiết trong giai đoạn này khá thuận lợi cho việc gieo trồng.

- Tình hình vận hành công trình thủy lợi:

Trong thời gian từ ngày 8/2÷15/2/2019 ứng với đồ ải Đông Xuân đợt 3, đập dâng nước đầu mối Liễn Sơn mực nước duy trì ở cao trình +16.50m đảm bảo cấp nước cho kênh chính tả ngạn với lưu lượng từ 8÷10 m³/s.

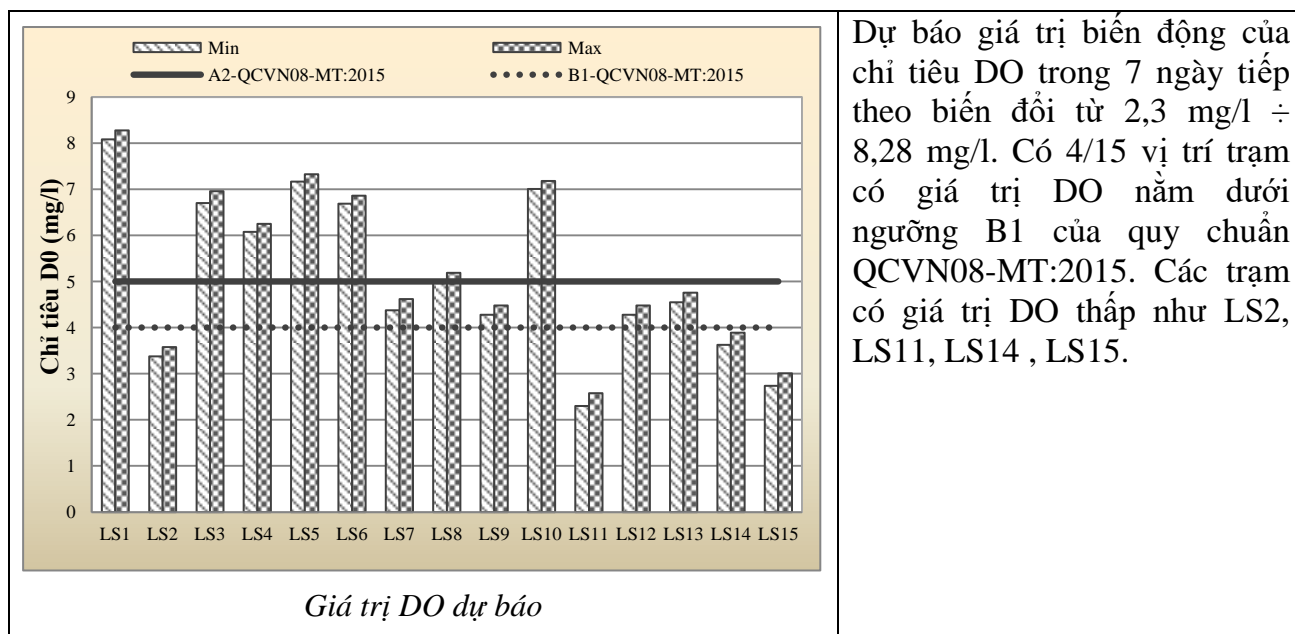
Mực nước tại bể hút trạm bơm Bạch Hạch là +5,3÷6,0m , 5 tổ máy hoạt động với công suất mỗi tổ 8.000m³/h và 2 tổ với công suất 9.700m³/h tiếp nước cho kênh chính tả ngạn Liễn Sơn qua kênh 6A với lưu lượng là 13÷15 m³/s.

Mực nước tại bể hút trạm bơm Đại Định là +5,4÷5,8m , 5 tổ máy hoạt động với công suất mỗi tổ 8.000m³/h và 3 tổ với công suất 10.000m³/h tiếp nước cho kênh chính tả ngạn Liễn Sơn qua kênh 6B với lưu lượng từ 13÷16 m³/s.

4.2. Dự báo chất lượng nước từ ngày 08/02/2019 đến ngày 15/02/2019

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 08/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

a. Chỉ tiêu DO



Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 2,3 mg/l ÷ 8,28 mg/l. Có 4/15 vị trí trạm có giá trị DO nằm dưới ngưỡng B1 của quy chuẩn QCVN08-MT:2015. Các trạm có giá trị DO thấp như LS2, LS11, LS14 , LS15.

Bảng 6: Kết quả dự báo thông số DO các trạm đến ngày 15/02/2019

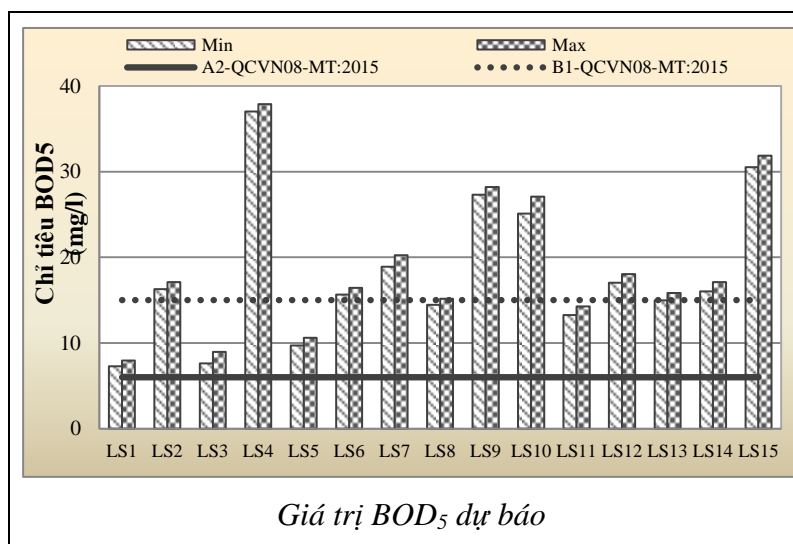
Đơn vị: mg/l

STT	Trạm	8/2/2019	9/2/2019	10/2/2019	11/2/2019	12/2/2019	13/2/2019	14/2/2019	15/2/2019
-----	------	----------	----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong HT CTTL Liễn Sơn phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2019

1	LS1	8,22	8,28	8,24	8,21	8,18	8,15	8,12	8,08
2	LS2	3,52	3,58	3,54	3,5	3,47	3,44	3,41	3,38
3	LS3	6,96	6,92	6,89	6,85	6,81	6,77	6,73	6,7
4	LS4	6,18	6,25	6,22	6,19	6,16	6,13	6,11	6,08
5	LS5	7,29	7,33	7,31	7,28	7,25	7,23	7,2	7,17
6	LS6	6,83	6,86	6,84	6,81	6,78	6,75	6,73	6,69
7	LS7	4,38	4,42	4,46	4,49	4,52	4,56	4,59	4,62
8	LS8	5,16	5,19	5,17	5,13	5,09	5,06	5,04	5,01
9	LS9	4,44	4,48	4,46	4,42	4,39	4,36	4,31	4,28
10	LS10	7,13	7,18	7,15	7,12	7,09	7,06	7,04	7,01
11	LS11	2,3	2,34	2,39	2,43	2,46	2,5	2,54	2,58
12	LS12	4,43	4,48	4,45	4,41	4,37	4,34	4,31	4,28
13	LS13	4,72	4,76	4,73	4,7	4,66	4,63	4,59	4,55
14	LS14	3,63	3,66	3,69	3,72	3,77	3,81	3,84	3,89
15	LS15	2,74	2,78	2,81	2,85	2,88	2,93	2,98	3,01

b. Chỉ tiêu BOD₅



Dự báo giá trị biên động của chỉ tiêu BOD₅ trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 7,28 mg/l ÷ 37,86 mg/l. Có 10/15 trạm có giá trị BOD₅ nằm trên ngưỡng B1 của quy chuẩn QCVN08-MT:2015 Một số trạm có giá trị BOD₅ cao như LS4, LS9, LS10, LS12, LS15.

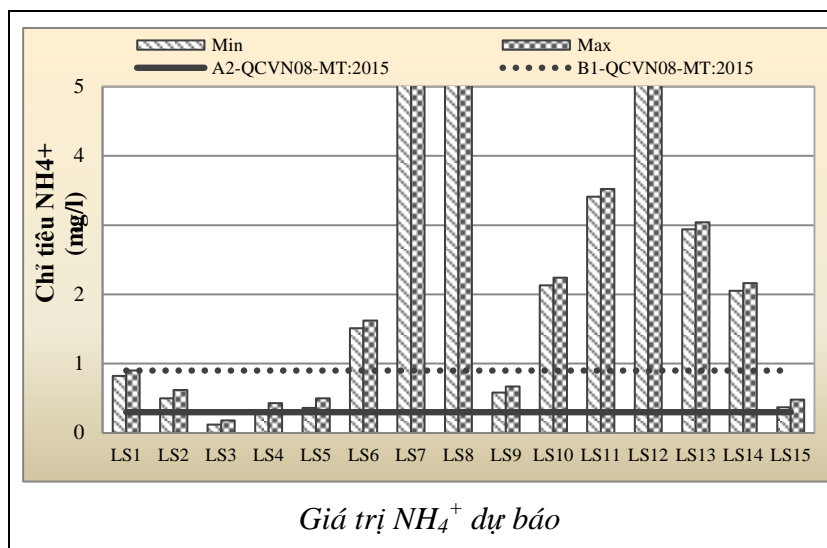
Bảng 7: Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm đến ngày 15/02/2019

Đơn vị: mg/l

STT	Trạm	8/2/2019	9/2/2019	10/2/2019	11/2/2019	12/2/2019	13/2/2019	14/2/2019	15/2/2019
1	LS1	7,96	7,78	7,57	7,43	7,28	7,46	7,61	7,87
2	LS2	16,72	16,57	16,28	16,47	16,63	16,85	16,98	17,11
3	LS3	7,61	7,86	8,05	8,29	8,42	8,61	8,84	8,97
4	LS4	37,28	37,01	37,35	37,68	37,86	37,51	37,28	37,00
5	LS5	9,96	9,72	9,89	10,04	10,18	10,35	10,49	10,62
6	LS6	16,03	15,81	15,65	15,78	15,95	16,11	16,27	16,42
7	LS7	19,13	18,89	19,09	19,38	19,67	19,89	20,06	20,25
8	LS8	15,02	14,88	14,62	14,45	14,68	14,83	14,98	15,15

9	LS9	27,68	27,45	27,31	27,52	27,75	27,89	28,04	28,19
10	LS10	25,46	25,11	25,39	25,62	25,89	26,43	26,79	27,06
11	LS11	13,72	13,57	13,25	13,63	13,82	13,98	14,12	14,25
12	LS12	17,43	17,26	17,03	17,31	17,54	17,69	17,86	18,02
13	LS13	14,97	15,11	15,25	15,33	15,45	15,52	15,69	15,84
14	LS14	16,17	16,02	16,23	16,41	16,63	16,81	16,95	17,11
15	LS15	31,28	31,02	31,86	31,62	31,29	31,05	30,86	30,51

c. Chỉ tiêu NH_4^+



Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu NH_4^+ trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 0,12mg/l ÷ 8,1 mg/l. Có 8/15 vị trí trạm có giá trị NH_4^+ nằm trên ngưỡng B1 của quy chuẩn QCVN08-MT:2015, Một số trạm có giá trị NH_4^+ cao như LS7, LS8, L10, LS11, LS12, LS13, LS14.

Bảng 8: Kết quả dự báo thông số NH_4^+ các trạm đến ngày 15/02/2019

STT	Trạm	8/2/2019	9/2/2019	10/2/2019	11/2/2019	12/2/2019	13/2/2019	14/2/2019	15/2/2019
1	LS1	0,85	0,87	0,89	0,9	0,88	0,86	0,84	0,82
2	LS2	0,62	0,6	0,58	0,57	0,55	0,54	0,52	0,5
3	LS3	0,18	0,17	0,15	0,15	0,14	0,13	0,13	0,12
4	LS4	0,28	0,3	0,32	0,34	0,36	0,38	0,41	0,43
5	LS5	0,36	0,38	0,41	0,43	0,45	0,47	0,48	0,5
6	LS6	1,56	1,53	1,51	1,52	1,54	1,57	1,6	1,62
7	LS7	6,5	6,3	6,1	6,4	6,6	6,8	6,9	7,05
8	LS8	7,41	7,38	7,35	7,37	7,39	7,41	7,43	7,46
9	LS9	0,67	0,65	0,62	0,6	0,58	0,61	0,63	0,64
10	LS10	2,18	2,16	2,13	2,15	2,17	2,2	2,22	2,24
11	LS11	3,47	3,44	3,41	3,43	3,46	3,48	3,51	3,52
12	LS12	5,32	5,29	5,31	5,33	5,36	5,37	5,38	5,41
13	LS13	2,98	2,96	2,94	2,97	3,01	3,03	3,03	3,04
14	LS14	2,09	2,07	2,05	2,08	2,11	2,13	2,15	2,16
15	LS15	0,39	0,37	0,4	0,43	0,45	0,46	0,48	0,47

V. CÁC ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

(1) Đây là thời kỳ xả hồ chứa của vụ Đông Xuân đợt 1 (từ ngày 19/1÷24/1/2019), nhìn chung chất lượng nước dựa trên các yếu tố dự báo đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu, một số khu vực do ảnh hưởng xả thải của dân cư vì vậy hàm lượng DO sẽ có xu thế giảm so với khu vực gần sông chính.

- Có 4/15 vị trí hàm lượng BOD5 tăng cao là cống Vân Tập, cầu Vàng, cầu Thượng Lập, cầu Tiền Châu, vượt mức QCVN từ 1,58 đến 2,6 lần.

- 2/15 vị trí có hàm lượng NH₄⁺ vượt mức QCVN trên 10 lần là Cầu Đất, Đập Vĩnh Sơn ảnh hưởng đến phát triển của cây trồng (do chứa nhiều đạm mất cân bằng dinh dưỡng).

(2) Đề nghị cần cảnh báo các địa phương trong vùng về thực trạng ô nhiễm NH₄, phải có biện pháp xử lý nếu lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt. Trong thời gian lấy nước hạn chế mở các cống tiêu thải ô nhiễm ảnh hưởng đến hệ thống. Các đơn vị khai thác CTTL cần kiểm tra để phát hiện trường hợp các doanh nghiệp lợi dụng thời điểm hệ thống mở cống lấy nước để xả thải.

Nguồn tài liệu tham khảo

[1] Báo cáo tổng kết công tác nông nghiệp năm 2018 và triển khai nhiệm vụ năm 2019 tỉnh Vĩnh Phúc;

[2] Lịch gieo trồng và kế hoạch gieo trồng năm 2018÷2019 của tỉnh Vĩnh Phúc,